

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH
1174 - ĐƯỜNG LÁNG - ĐÔNG ĐA - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		317,980,931,659	320,955,848,193
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		132,657,938,073	58,764,220,404
Tiền	111	1	17,643,960,865	14,764,220,404
Các khoản tương đương tiền	112		115,013,977,208	44,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	23,725,102,651	96,629,887,392
Đầu tư ngắn hạn	121		23,725,102,651	96,629,887,392
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,781,735,113	15,066,311,443
Phải thu khách hàng	131		557,000,476	14,875,379,573
Trả trước cho người bán	132		1,224,734,637	190,931,870
Các khoản phải thu khác	135	3	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		143,357,848,454	132,666,785,436
Hàng tồn kho	141	4	146,584,882,241	135,893,819,223
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3,227,033,787)	(3,227,033,787)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,458,307,368	17,828,643,518
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7,228,107,795	8,528,271,606
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,664,148,903	4,469,895,396
Tài sản ngắn hạn khác	158		5,566,050,670	4,830,476,516
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69,113,889,549	68,462,719,475
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13,647,148,054	13,460,057,316
Tài sản cố định hữu hình	221	8	8,103,448,836	9,058,045,034
- Nguyên giá	222		17,939,808,751	18,641,926,999
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9,836,359,915)	(9,583,881,965)
Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		866,331,960	866,331,960
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(866,331,960)	(866,331,960)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	5,543,699,218	4,402,012,282
III. Bất động sản đầu tư	240	12	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		55,466,741,495	55,002,662,159
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2,603,988,582	2,139,909,079
Tài sản dài hạn khác	268		52,862,752,913	52,862,753,080
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		387,094,821,208	389,418,567,668

BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		131,426,036,517	144,264,067,449
I. Nợ ngắn hạn	310		131,426,036,517	144,264,067,449
Phải trả người bán	312		118,762,971,853	130,907,225,843
Người mua trả tiền trước	313		418,112,826	541,735,452
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	3,504,471,408	1,994,491,000
Phải trả người lao động	315		4,430,478,529	5,581,312,218
Chi phí phải trả	316	17	1,454,136,193	1,919,280,410
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	2,561,778,770	1,291,806,288
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		294,086,938	2,028,216,238
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	19	-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		255,668,784,691	245,154,500,219
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	255,668,784,691	245,154,500,219
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		123,990,160,000	123,990,160,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		68,613,164,001	68,613,164,001
Cổ phiếu quỹ (*)	414		(6,250,995,640)	(6,250,995,640)
Quỹ đầu tư phát triển	417		424,368,000	424,368,000
Quỹ dự phòng tài chính	418		8,087,214,032	8,087,214,032
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		60,804,874,298	50,290,589,826
Nguồn kinh phí	432	23	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		387,094,821,208	389,418,567,668

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2013

Kế toán trưởng



PHAN QUANG TRƯỜNG

Tổng Giám đốc



TRẦN XUÂN KIÊN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1.2013

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ KỲ NÀY NĂM NAY	SỐ KỲ NÀY NĂM TRƯỚC	Đơn vị tính: VNĐ	
					SỐ LŨY KẾ KỲ NÀY NĂM NAY	SỐ LŨY KẾ KỲ NÀY NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	449,231,872,789	431,133,293,333	449,231,872,789	431,133,293,333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6,407,761,115	3,136,960,480	6,407,761,115	3,136,960,480
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		442,824,111,674	427,996,332,853	442,824,111,674	427,996,332,853
4. Giá vốn hàng bán	11	27	397,592,381,702	383,339,071,472	397,592,381,702	383,339,071,472
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45,231,729,972	44,657,261,381	45,231,729,972	44,657,261,381
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2,909,091,044	4,778,381,983	2,909,091,044	4,778,381,983
7. Chi phí tài chính	22	28	-	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		29,681,241,230	28,063,257,958	29,681,241,230	28,063,257,958
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,572,946,074	5,221,139,272	4,572,946,074	5,221,139,272
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,886,633,712	16,151,246,134	13,886,633,712	16,151,246,134
11. Thu nhập khác	31		134,325,223	140,982,897	134,325,223	140,982,897
12. Chi phí khác	32		1,912,975	29,215,959	1,912,975	29,215,959
13. Lợi nhuận khác	40		132,412,248	111,766,938	132,412,248	111,766,938
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,019,045,960	16,263,013,072	14,019,045,960	16,263,013,072
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3,504,761,491	4,129,441,132	3,504,761,491	4,129,441,132
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10,514,284,469	12,133,571,940	10,514,284,469	12,133,571,940
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				865	997

Kế toán trưởng

PHAN QUANG TRƯỜNG



Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2013

Tổng Giám Đốc

TRẦN XUÂN KIÊN

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

(Theo Phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LŨY KẾ KỲ NÀY NĂM NAY	LŨY KẾ KỲ NÀY NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ khách hàng	01		499,539,541,295	472,881,225,458
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(481,166,680,664)	(387,759,403,512)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(14,737,897,085)	(14,722,804,927)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1,994,781,083)	(5,813,208,743)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,005,633,423	174,304,292
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,965,418,842)	(4,662,581,701)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		680,397,044	60,097,530,867
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XDCB và các tài sản dài hạn khác	21		(2,986,005,280)	(4,086,021,501)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	0
Tiền gửi có kỳ hạn trên 90 ngày	23		(23,725,102,652)	(36,917,681,070)
Tiền thu từ việc rút tài khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 90 ngày	24		96,629,887,393	94,684,790,889
Thu lãi tiền gửi	27		3,294,541,164	4,485,025,787
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		73,213,320,625	58,166,114,105
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
Tiền trả cổ tức	36			(16,148,362,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(16,148,362,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		73,893,717,669	102,115,282,972
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		58,764,220,404	36,140,042,928
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3	132,657,938,073	138,255,325,900

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHAN QUANG TRƯỜNG

TRẦN XUÂN KIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về việc tuân thủ

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đánh giá

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (" VND")

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 ("VAS 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

§ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm
§ Nâng cấp siêu thị	3 năm
§ Phương tiện vận chuyển	6 năm
§ Thiết bị văn phòng	3 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin về ý nghĩa của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- * Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- * Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- * các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- * các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- * các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- * các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- * Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- * Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- * các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- * các khoản cho vay và các khoản phải thu; hoặc
- * các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

* Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

* Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các công cụ tài chính nêu trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính riêng và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính trong bảng cân đối kế toán và kết quả kinh doanh riêng. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(O) Doanh Thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

(t) Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

- Hàng hóa dịch vụ do công ty cung cấp chịu thuế GTGT theo quy định hiện hành

(Y) Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

- Công ty chịu thuế TNDN với mức thuế suất 25%.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2013	31/12/2012
- Tiền mặt	260,184,034	204,232,741
- Tiền gửi ngân hàng	17,383,776,831	10,696,104,663
- Tiền đang chuyển	-	3,863,883,000
- Các khoản tương đương tiền	115,013,977,208	44,000,000,000
Cộng	132,657,938,073	58,764,220,404

Bao gồm trong tiền tại Ngày 31 tháng 03 năm 2013 có số tiền đơn vị tiền tệ khác VND trị giá 2384 USD tương đương 50 triệu VNĐ

2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/03/2013	31/12/2012
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	23,725,102,651	96,629,887,392
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	23,725,102,651	96,629,887,392

3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/03/2013	31/12/2012
- Phải thu khách hàng	557,000,476	14,875,379,573
- Trả trước cho người bán	1,224,734,637	190,931,870
Giá trị thuần của các khoản phải thu	1,781,735,113	15,066,311,443

4 Hàng tồn kho

	31/03/2013	31/12/2012
- Công cụ, dụng cụ	276,780,844	215,028,114
- Thành phẩm	783,361,641	690,700,415
- Hàng hóa	145,524,739,757	134,988,090,694
	146,584,882,241	135,893,819,223
 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	 (3,227,033,787)	 (3,227,033,787)
	143,357,848,454	132,666,785,436

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau

	31/03/2013	31/12/2012
Số dư đầu năm	(3,227,033,787)	(3,227,033,787)
Tăng dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	(3,227,033,787)	(3,227,033,787)

5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/03/2013	31/12/2012
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	3,664,148,903	4,469,895,396
Cộng	3,664,148,903	4,469,895,396

6 Phải thu dài hạn nội bộ

	31/03/2013	31/12/2012
- Cho vay dài hạn nội bộ		
- ...		
- Phải thu dài hạn nội bộ khác		
Cộng	-	-

7 Phải thu dài hạn khác

	31/03/2013	31/12/2012
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Các khoản tiền nhận ủy thác		
- Cho vay không có lãi		
- Phải thu dài hạn khác		
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỔ TRẦN ANH

Địa chỉ: 1174 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7666 666 Fax: (04) 7667 708

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

31/03/2013

08 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị dụng cụ quản lý VNĐ	Nâng cấp, sửa chữa siêu thị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	2,310,854,469	5,786,939,477	6,613,471,700	3,930,661,353	18,641,926,999
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang					
Phân loại lại					
Thanh lý		(110,978)	(702,007,270)		(702,118,248)
Số dư cuối kỳ	2,310,854,469	5,786,828,499	5,911,464,430	3,930,661,353	17,939,808,751
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	467,771,781	3,446,161,886	4,266,110,562	1,403,837,737	9,583,881,966
Khấu hao trong kỳ	115,542,723	298,045,192	375,317,751	163,777,556	952,683,222
Phân loại lại					
Thanh lý		(110,978)	(700,094,295)		(700,205,273)
Số dư cuối năm	583,314,504	3,744,096,100	3,941,334,018	1,567,615,293	9,836,359,915
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1,843,082,688	2,340,777,591	2,347,361,138	2,526,823,616	9,058,045,033
Số dư cuối kỳ	1,727,539,965	2,042,732,399	1,970,130,412	2,363,046,060	8,103,448,836

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Quyền phát hành VNĐ	Bản quyền, bằng sáng chế VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	866,331,960	866,331,960
Mua trong kỳ				-	-
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
Tăng do hợp nhất kinh doanh					
Tăng khác					
Thanh lý, nhượng bán				-	-
Giảm khác					-
Số dư cuối năm	-	-	-	866,331,960	866,331,960
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-			866,331,960	866,331,960
Khấu hao trong kỳ				-	-
Thanh lý, nhượng bán				-	-
Giảm khác					-
Số dư cuối năm	-	-	-	866,331,960	866,331,960
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-

13- Đầu tư dài hạn khác:

	31/03/2013	31/12/2012
- Đầu tư cổ phiếu		
- Đầu tư trái phiếu		
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		
- Cho vay dài hạn		
- Đầu tư dài hạn khác		
Cộng	-	-

14- Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2013	31/12/2012
Số dư đầu năm	2,139,909,079	1,617,752,688
Tăng trong năm	932,289,564	2,224,796,251
Thanh lý	-	(25,508,125)
Phân bổ trong năm	(466,484,490)	(1,677,131,735)
Giảm khác	(1,725,571)	
Số dư cuối năm	2,603,988,582	2,139,909,079

15- Vay và nợ ngắn hạn

	31/03/2013	31/12/2012
- Vay ngắn hạn		-
- Nợ dài hạn đến hạn trả		-
Cộng	-	-

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/03/2013	31/12/2012
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,504,471,408	1,994,491,041
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	3,504,471,408	1,994,491,041

17- Chi phí phải trả

	31/03/2013	31/12/2012
Chi phí phải trả khác	1,454,136,193	1,919,280,410
Cộng	1,454,136,193	1,919,280,410

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2013	31/12/2012
--	------------	------------

Cổ tức phải trả	75,339,577	75,339,577
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,203,483,024	1,044,483,410
Doanh thu chưa thực hiện	7,600,000	141,668,666
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,275,356,169	30,314,632
Cộng	2,561,778,770	1,291,806,285

19. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	31/03/2013	31/12/2012
Số dư đầu năm	-	496,705,313
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(68,642,853)
Hoàn nhập dự phòng		(428,062,460)
Số dư cuối năm	-	-

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/03/2013	31/12/2011
Số dư đầu năm	4,402,012,282	5,985,083,984
Tăng Trong năm	2,687,732,204	8,351,812,015
Chuyển sang TSCĐ, chi phí trả trước dài hạn, chi phí trả trước ngắn hạn.	(1,507,675,450)	(9,819,883,717)
Giảm khác	(38,369,818)	(115,000,000)
Số dư cuối năm	5,543,699,218	4,402,012,282

12 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

31/12/2012

1048

31/12/2012

31/12/2012

- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

31/12/2012

- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước

22- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	83,425,060,000	68,613,164,001	(6,175,395,640)	424,368,000	5,100,880,563	65,401,393,048	216,789,469,972
Góp vốn/phát hành cổ phiếu							-
Phát hành cổ phiếu thưởng	40,565,100,000					(40,565,100,000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ						31,426,963,716	31,426,963,716
Phân bổ vào các quỹ					2,986,333,469	(2,986,333,469)	-
Cổ tức							-
Mua lại cổ phiếu quỹ			(75,600,000)				(75,600,000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi						(2,986,333,469)	(2,986,333,469)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trong các năm trước							-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	123,990,160,000	68,613,164,001	(6,250,995,640)	424,368,000	8,087,214,032	50,290,589,826	245,154,500,219
Góp vốn/phát hành cổ phiếu							
Phát hành cổ phiếu thưởng							
Lợi nhuận thuần trong kỳ						10,514,284,472	10,514,284,472
Phân bổ vào các quỹ							
Cổ tức							
Mua lại cổ phiếu quỹ							
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi							
Số dư tại Ngày 31 tháng 03 năm 2013	123,990,160,000	68,613,164,001	(6,250,995,640)	424,368,000	8,087,214,032	60,804,874,298	255,668,784,691

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ TRẦN ANH

Mẫu số B 09 - DN

Địa chỉ: 1174 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

Điện thoại: (04) 7666 666 Fax: (04) 7667 708

31/03/2013

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2013	31/12/2012
Vốn góp của cổ đông	123,990,160,000	123,990,160,000
Vốn góp của các đối tượng khác		-

Cộng

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ

	31/03/2013	31/12/2012
	123,990,160,000	123,990,160,000
	237,255	237,255

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/03/2013	31/12/2012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	123,990,160,000	123,990,160,000
+ Phát hành cổ phiếu thưởng	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	123,990,160,000	123,990,160,000

d- Cổ tức

	31/03/2013	31/12/2012
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:-		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:.....	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:.....	-	-

đ- Cổ phiếu

Tại ngày	31/03/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,399,016	12,399,016
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12,399,016	12,399,016
+ Cổ phiếu phổ thông	12,399,016	12,399,016
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	237,255	237,255
+ Cổ phiếu phổ thông	237,255	237,255
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,161,761	12,161,761
+ Cổ phiếu phổ thông	12,161,761	12,161,761
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/1 Cổ phần

e- Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/03/2013	31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	424,368,000	424,368,000
Quỹ dự phòng tài chính	8,087,214,032	8,087,214,032

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển: Dùng để bổ sung vốn điều lệ cho Công ty theo quy định.

Quỹ dự phòng tài chính: Dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; bù đắp lỗ của Công ty theo quy định của Công ty CP Thế Giới Số Trần Anh

Quỹ khác: Theo quy định tại Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và Quản lý vốn

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

23- Nguồn kinh phí

	31/03/2013	31/12/2012
Nguồn kinh phí được cấp trong năm		
Chi sự nghiệp		
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

24- Tài sản thuê ngoài

	31/03/2013	31/12/2012
(1)- Giá trị tài sản thuê ngoài	-	-
(2)- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn	-	-

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Đơn vị tính: VND	
	31/03/2013	30/03/2012
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	449,231,872,789	431,133,293,333
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	449,231,872,789	431,133,293,333
	31/03/2013	30/03/2012
	31/03/2013	30/03/2012
26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	6,407,761,115	3,136,960,480

Trong đó:

· Hàng bán bị trả lại

6,407,761,115

3,136,960,480

31/03/2013

30/03/2012

**27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ
(Mã số 10)**

442,824,111,674

427,996,332,853

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng hóa

442,824,111,674

427,996,332,853

28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

31/03/2013

30/03/2012

Giá vốn của hàng hóa đã bán

397,592,381,702

383,339,071,472

Cộng

397,592,381,702

383,339,071,472

29- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

31/03/2013

30/03/2012

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

2,909,091,044

4,769,404,576

Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

-

8,977,407

Cộng

2,909,091,044

4,778,381,983

30- Chi phí tài chính (Mã số 22)

31/03/2013

30/03/2012

Lãi tiền vay

-

-

Chi phí tài chính khác

-

-

Cộng

-

-

31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

31/03/2013

30/03/2012

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

3,504,761,491

4,129,441,132

Cộng

3,504,761,491

4,129,441,132

32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)

31/03/2013

30/03/2012

Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

-

-

Cộng

-

-

33- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	31/03/2013	30/03/2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	397,592,381,702	383,339,071,472
+ Nguyên vật liệu	397,592,381,702	383,339,071,472
Chi phí nhân công	14,510,172,326	13,602,812,530
Chi phí khấu hao(bao gồm khấu hao tài sản cố định, chi phí trả trước dài hạn)	1,419,167,712	1,474,381,035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16,547,541,822	15,913,756,718
Chi phí khác	1,777,305,444	2,293,446,947
Cộng	431,846,569,005	416,623,468,701

34- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu căn cứ vào số lợi nhuận thuộc về các cổ đông sở hữu và số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành và được thực hiện như sau:

(b) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Giai đoạn 01/01/2013 đến 31/03/2013 VNĐ	Giai đoạn 01/01/2012 đến 31/03/2012 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm	10,514,284,470	12,133,571,940
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10,514,284,470	12,133,571,940

(c) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn 01/01/2013 đến 31/03/2013 VNĐ	Giai đoạn 01/01/2012 đến 31/03/2012 VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	12,161,761	8,116,356
Ảnh hưởng của số cổ phiếu mới phát hành trong năm		
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong năm		-
Phát hành cổ phiếu thưởng trong năm	-	4,056,510
Ảnh hưởng của số cổ phiếu mua lại trong năm	-	(4,500)
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng trong kỳ	-	(3,545)
Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền	12,161,761	12,164,821

35- Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản

- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty thực hiện việc giám sát Ban giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty, cũng như rà soát tính thích hợp của các chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào công cụ nợ

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành tại ngày báo cáo như sau:

	31/03/2013	31/12/2012
Tiền và các khoản tương đương tiền (thuyết minh 1)	132,657,938,073	58,764,220,404
Các khoản đầu tư ngắn hạn (thuyết minh 2)	23,725,102,651	96,629,887,392
Các khoản phải thu khách hàng (thuyết minh 3)	557,000,476	14,875,379,573
	156,940,041,200	170,269,487,369

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín của Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các ngân hàng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín của Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các ngân hàng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu ngắn hạn của công ty là các khoản phải thu thương mại từ khách hàng của công ty. Phần lớn doanh thu bán hàng của công ty được thực hiện qua giao dịch trả tiền ngay. Tính tới thời điểm phát hành báo cáo, công ty đã thu hồi hết các khoản phải thu thương mại này

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

(d) rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) rủi ro hối đoái

Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro hối đoái bởi tất cả nghiệp vụ bán hàng và mua hàng của Công ty đều được thực hiện bằng Việt Nam Đồng.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/03/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính- các khoản tương đương tiền	115,013,977,208	44,000,000,000
Tài sản tài chính- Các khoản đầu tư ngắn hạn	23,725,102,651	96,629,887,392
	<u>138,739,079,859</u>	<u>140,629,887,392</u>

Các công cụ tài chính trên của công ty có lãi suất cố định, do đó công ty không chịu rủi ro biến động lãi suất.

(e) Giá trị hợp lý và giá trị sổ sách

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có sự khác biệt lớn so với giá trị sổ sách tại ngày báo cáo.

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào các công cụ nợ

Giá trị hợp lý của công cụ nợ được xác định bằng kỹ thuật định giá. Các kỹ thuật định giá được áp dụng bao gồm các phân tích tham số thị trường và phân tích dòng tiền chiết khấu sử dụng dòng tiền tương lai ước tính và tỷ lệ chiết khấu liên quan đến thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

35- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	31/03/2013	31/12/2012
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:		
Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu:		
Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:		

c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2013

Tổng Giám đốc

[Handwritten signature]


 Công ty Cổ phần
 Thế giới Số
 Trần Anh
 Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 S.Đ.K.K.D: 0101217009-C.T.Đ.P.

TRẦN XUÂN KIÊN

1. E. P. ION.